TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2001.

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: Xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: 1 N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2025 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc S sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19 tháng 11 năm 2020. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm với ông S nhưng không thành. Bà và ông S đã ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ngọc S.

Về con chung: 01 con chung là cháu Phạm Hưng T1, sinh ngày 01-5-2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2025, ông Phạm Ngọc S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân. Sau một thời gian chung sống thì ông và bà T tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19 tháng 11 năm 2020. Quá trình chung sống, ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày, ông đồng ý ly hôn với bà T; về con chung là cháu Phạm Hưng T1, sinh ngày 01-5-2021 ông đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu T1 theo thỏa thuận; về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời ông đề nghị Tòa án cho ông một thời gian để ông và bà T thỏa thuận các vấn đề liên quan đến việc chăm sóc con chung và gia đình hai bên. Tuy nhiên, sau đó Tòa án triệu tập ông S lên Tòa án làm việc nhưng ông S không đến làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông S không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, bà T không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu ly hôn với ông S, ông S đồng ý ly hôn với bà T. Xét mục đích hôn nhân giữa vợ chồng bà T, ông S không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà T và ông S đồng ý ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; Về con chung: 01 con chung là cháu Phạm Hưng T1, sinh ngày 01-5-2021, Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, bà T có đủ điều kiện về vật chất, tinh thần để nuôi dưỡng con chung. Ông S xác nhận con chung đang ở với bà T và có ý kiến xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận nên đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề xuất xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu giải quyết nên không đề xuất xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Cẩm T có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với ông Phạm Ngọc S, có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Nguyễn Cẩm T và ông Phạm Ngọc S chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19 tháng 11 năm 2020. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp.

Trong thời gian bà T và ông Sơn S1 với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T và ông S là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng bà T thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".

Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh hôn nhân của bà T, ông S không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Nay bà T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông S, ông S đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của bà T và ông S là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3]. Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Hưng T1, sinh ngày 01-5-2021. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ông S cũng xác nhận cháu T1 đang sinh sống cùng bà T, ông S có nguyện vọng xin cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận và được quyền thăm nuôi con chung.

Xét hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng với mẹ, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, sức khỏe…của cháu T1, bà T có điều kiện tinh thần và vật chất để nuôi dưỡng cháu T1, ông S đề nghị được cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận nên Hội đồng xét xử quyết định: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hưng T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T, ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm T và ông Phạm Ngọc S ly hôn.

2. Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Hưng T1, sinh ngày 01-5-2021. Cháu T1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002617 ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, bà T đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp . Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Thị Huê